

Phụ lục số 16: Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng
Appendix No.16: Net Asset Value Report for Closed-end Fund

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)
 (Issued with Circular No. 224/2012/TT-BTC of December 26th, 2012 from the Ministry of Finance's guidance on the establishment and management of closed-end fund, private fund)

Giá trị tài sản ròng quỹ
Net Asset Value of the Fund
 (tuần từ ngày 24/04/2020 đến 30/04/2020)
 (Reporting period: from April 24th, 2020 to April 30th, 2020)

1. Tên công ty quản lý quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt
Fund Management Company: Thiên Viet Asset Management JSC

2. Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành
Custodian and Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch

3. Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
Name of the fund: Thiên Viet Growth Fund 2 (TVGF2)

4. Ngày lập báo cáo: 04/05/2020
Reporting date: May 4th, 2020

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD (30/04/20)	KỲ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD (23/04/20)
A	Giá trị tài sản ròng <i>Net asset value (NAV)</i>		
A.1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i> của quỹ/the fund	122,063,219,565	123,046,008,763
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i> của quỹ/the fund	121,999,842,212	122,063,219,565
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó <i>Change in NAV per certificate during the period, in which</i> Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ <i>Change due to the fund's investment activities</i>	7,176	7,180
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	-4	-58
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ <i>Highest value (VND)</i>	164,665,274,560	166,772,711,731
	Giá trị thấp nhất (VND)/ <i>Lowest value (VND)</i>	104,360,568,541	104,360,568,541
B	Giá trị thị trường (giá đóng của cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
B.1	Giá trị đầu kỳ <i>Beginning value</i>	8,960	8,960
B.2	Giá trị cuối kỳ <i>Ending value</i>	8,960	8,960
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước <i>Change in market value, compared with the previous period</i>	0	0
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/ <i>Difference between the unit's market price and its NAV</i>		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ <i>Absolute difference (VND)*</i>	1,784	1,780
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/hặng dư (+))/ <i>Relative difference (level of discount (-)/surplus (+))**</i>	24.86%	24.79%
B5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest/Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ <i>Highest value (VND)</i>	11,650	11,650
	Giá trị thấp nhất (VND)/ <i>Lowest value (VND)</i>	8,960	8,960

Lưu ý: * Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - NAV cùng thời điểm)/ *Defined by the differences (market price - NAV at the same period);*
 Notes: ** Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường - NAV)/NAV/ *Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV*

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory bank

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH
 HOAN KIỂM - Ngõ Thị Thu Cúc
 Phó Giám đốc/Deputy Director

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
Authorized Representative of Fund management

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
 Nguyễn Thanh Thảo
 Chủ tịch HĐQT/Chairman